

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học;

Ông Nguyễn Đồng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị T, sinh năm 1971 (có mặt);

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà Lâm Thị T và ông Trần Văn T kết hôn với nhau từ năm 1992, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chung sống vợ chồng thì thời gian gần đây không hợp nhau, thường nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình và ông T luôn có hành vi chửi bới, nhục mạ bà T và hăm dọa đâm chém bà T. Nay cảm thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về nuôi con chung, cấp dưỡng, tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Trần Văn T:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không tham gia nên Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, ngoài ra không có yêu cầu gì khác; Bị đơn vắng mặt tại phiên xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1]. Về hôn nhân: Bà T, ông T chung sống với nhau từ năm 1992 trên tinh thần tự nguyện, đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thì hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thường nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên dẫn đến mất hạnh phúc gia đình vì ông T thường xuyên đi nhậu, luôn có hành vi chửi bới, xúc phạm bà T và có lần ông T lấy dao chém bà T nên mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng.

Xét thấy, bà T và ông T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà T và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2]. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu*

đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không đặt ra xem xét là phù hợp với quyền tự định đoạt của đương sự.

[4]. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng bà T phải chịu nộp và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị T và ông Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng bà T phải nộp, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0016330 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo